

Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các nội dung quy định tại Chương V, thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP và các yêu cầu khác nêu trong E-HSMT. Căn cứ vào từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Tính hợp lý và khả thi của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức thi công phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công;

- Tiến độ thi công;

- Cách thức quản lý dự án bao gồm: tổ chức quản lý dự án, tổ chức quản lý hiện trường; các biện pháp bảo đảm chất lượng; bảo đảm điều kiện vệ sinh môi trường và các điều kiện khác như phòng cháy, chữa cháy, an toàn lao động;

- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì;

- Các yếu tố thân thiện môi trường (nếu có) gồm việc sử dụng các vật tư, vật liệu, biện pháp tổ chức thi công, dây chuyền, công nghệ thi công và các yếu tố khác (nếu có);

- Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

3.2. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt:

Trường hợp sử dụng phương pháp đạt, không đạt, đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó. Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

1. Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của VTTB do Nhà thầu cung cấp.

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|-----------|
| a) Tất cả các vật liệu đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo yêu cầu. | Đáp ứng đầy đủ cho cả 3 nội dung a), b), c). | Đạt |
| b) Có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. c) Có cam kết hoặc hợp đồng nguyên tắc với đơn vị cung cấp, năng lực của đơn vị gia công chế tạo. | | Không đạt |
| Kết luận | Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt | Đạt |
| | Có ít nhất 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

2. Giải pháp kỹ thuật.

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|-----------|
| Nêu giải pháp thi công đối với các hạng mục xây lắp và các biện pháp đảm bảo an toàn khi thi công. | Có giải pháp kỹ thuật phải khả thi, đầy đủ, chi tiết, rõ ràng, phù hợp với biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng. Thể hiện được sự hiểu biết về hiện trạng và đặc điểm tính chất công việc của gói thầu | Đạt |
| | Không nêu hoặc giải pháp không khả thi, thiếu hạng mục, trình bày sơ sài, không rõ ràng, không phù hợp với biện pháp thi công, tiến độ thi công và hiện trạng công trình xây dựng | Không đạt |
| Kết luận | Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt | Đạt |
| | Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

3. Biện pháp tổ chức thi công.

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|--|-----------|
| 3.1. Bản vẽ mặt bằng bố trí thi công, tổ chức thi công (nêu rõ vị trí lán trại, kho bãi tập kết vật liệu, máy thi công, thiết bị thi công, giao thông trong công trường ...) | Có bản vẽ đầy đủ phù hợp với hiện trạng và đề xuất về tiến độ | Đạt |
| | Không có bản vẽ hoặc bản vẽ không phù hợp với đề xuất về tiến độ | Không đạt |
| 3.2. Thuyết minh biện pháp thi công và trình tự tổ chức thi công | Có thuyết minh biện pháp tổ chức thi công chi tiết, khả thi, phù hợp với giải pháp kỹ thuật và đề xuất về tiến độ. Thể | Đạt |

| | | |
|---|---|-----------|
| đầy đủ, khả thi đáp ứng theo yêu cầu của HSMT. | hiện sự hiểu biết của nhà thầu về tính chất công việc của gói thầu | |
| | Không có hoặc thuyết minh biện pháp tổ chức thi công không khả thi, trình bày sơ sài, không rõ ràng, không phù hợp với đề xuất về tiến độ | Không đạt |
| 3.3. Có sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý nhân sự trên công trường và thuyết minh sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người | Có sơ đồ, ghi rõ trách nhiệm của từng người, đặc biệt là các vị trí Chỉ huy trưởng công trường và cán bộ kỹ thuật | Đạt |
| | Không có sơ đồ, hoặc sơ đồ không thể hiện rõ trách nhiệm của từng người | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt | Đạt |
| | Có ít nhất 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

4. Tiến độ thi công.

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|-----------|
| 4.1. Thời gian thi công: đảm bảo thời gian thi công theo E-HSMT có tính điều kiện thời tiết kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực | Đề xuất thời gian thi công không vượt quá theo E-HSMT có tính đến điều kiện thời tiết. | Đạt |
| | Đề xuất về thời gian thi công vượt quá theo E-HSMT. | Không đạt |
| 4.2. Tính phù hợp: a) Giữa huy động thiết bị và tiến độ thi công b) Giữa bố trí nhân lực và tiến độ thi công | Đề xuất đầy đủ, hợp lý, khả thi cho cả 2 nội dung a) và b). | Đạt |
| | Đề xuất không đủ 2 nội dung a) và b). | Không đạt |
| 4.3. Biểu đồ tiến độ thi công hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT | Có biểu đồ tiến độ thi công biểu diễn trên sơ đồ ngang, đầy đủ các hạng mục công việc của gói thầu, hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của HSMT. | Đạt |
| | Không có Biểu tiến độ thi công hoặc có Biểu tiến độ thi công nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có ít nhất 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

5. Biện pháp bảo đảm chất lượng.

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|---|--|-----------|
| 5.1. Biện pháp bảo đảm chất lượng trong thi công các hạng mục thuộc nội dung công việc của gói thầu, có sơ đồ bố trí tổ chức giám sát, kiểm tra các khâu thi công, thực hiện các thí nghiệm phục vụ thi công, ghi nhật ký thi công. | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Đạt |
| | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Không đạt |
| 5.2. Biện pháp bảo đảm chất lượng nguyên liệu đầu vào để phục vụ công tác thi công. | Có biện pháp bảo đảm chất lượng hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | Không có biện pháp bảo đảm chất lượng hoặc có biện pháp bảo đảm chất lượng nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về tiến độ thi công. | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có ít nhất 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

6. An toàn lao động, phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường.

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|--|---|-----------|
| 6.1. An toàn lao động | | |
| Biện pháp an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công như: Huấn luyện cho người lao động về an toàn lưới điện, an toàn điện, biện pháp đảm bảo an toàn khi thi công dưới đường dây 220kV đang vận hành. Tổ chức giám sát an toàn điện trong thi công... | Có biện an toàn lao động hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công. | Đạt |
| | Không có biện pháp an toàn lao động hoặc có biện pháp an toàn lao động nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Không đạt |
| 6.2. Phòng cháy, chữa cháy | | |
| Biện pháp phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi, phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Có biện phòng cháy, chữa cháy hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Đạt |
| | Không có biện pháp phòng cháy, chữa cháy hoặc có biện pháp phòng cháy, chữa cháy nhưng không hợp lý, không | Không đạt |

| | | |
|--|---|-----------|
| | khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | |
| 6.3. Vệ sinh môi trường | | |
| Biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công như: Giải pháp chống ô nhiễm môi trường trong quá trình thi công, vận chuyển vật tư và vật liệu, chống ngập úng các khu lân cận, chống ồn và hoàn trả mặt bằng | Có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Đạt |
| | Không có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường hoặc có biện pháp bảo đảm vệ sinh môi trường nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất về biện pháp tổ chức thi công | Không đạt |
| Kết luận | Các tiêu chuẩn chi tiết đều được xác định là đạt. | Đạt |
| | Có ít nhất 1 tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

7. Bảo hành của nhà thầu:

| Nội dung yêu cầu | Mức độ đáp ứng | |
|-------------------------------------|---|-----------|
| Bảo hành | | |
| Thời gian bảo hành \geq 12 tháng. | Có đề xuất thời gian bảo hành lớn hơn hoặc bằng 12 tháng. | Đạt |
| | Có đề xuất thời gian bảo hành nhỏ hơn 12 tháng. | Không đạt |
| Kết luận | Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là đạt | Đạt |
| | Tiêu chuẩn chi tiết được xác định là không đạt. | Không đạt |

Ghi chú:

Nhà thầu được đánh giá là đạt yêu cầu về kỹ thuật khi các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 được đánh giá là đạt. Trường hợp nhà thầu không đạt một trong các tiêu chuẩn 1, 2, 3, 4, 5, 6 và 7 thì được đánh giá là không đạt và không được xem xét, đánh giá bước tiếp theo